TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 172/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quốc Thới.

2. Ông Nguyễn Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 279/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2017 và các lời khai tại Tòa án, chị Đặng Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T thành hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải về kinh tế và đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nay anh yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định không có.

Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của chị N nhưng anh T không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị N và anh T thành hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T, với những nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải về kinh tế và đã sống ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử anh T không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của chị N, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho anh. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của chị N cho chị N được ly hôn với anh T là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị N xác định không có và anh T cũng không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung; nợ thu, nợ trả*: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 53 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

[1] *Về hôn nhân*: Chị Đặng Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[2] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003733 ngày 09/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo bản án của anh Nguyễn Văn T là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Phòng NVKT&THA;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Hiền